

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018



Hà Nội, tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 23

D
CÓ
IPA
VH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/07/2018)

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Chức vụ

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Điều hành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng. Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



M.S.D. 3624/2018
CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
APAX HOLDINGS
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.795.872.259	43.293.356.053
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.331.180.259	33.035.249.775
1. Tiền	111	4	17.331.180.259	33.035.249.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.401.345.000	10.258.106.278
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.000.000.000	9.790.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.567.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.997.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	277.778.000	468.106.278
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.347.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	63.347.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.012.877.426.204	823.321.098.902
I. Tài sản cố định	220		668.625.767	728.802.080
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	668.625.767	728.802.080
- Nguyên giá	222		802.350.909	802.350.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.725.142)	(73.548.829)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	8	838.998.182	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		838.998.182	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	1.011.297.127.000	822.498.777.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.010.776.840.000	821.991.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(78.813.000)	(91.323.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.675.255	93.519.822
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	72.675.255	93.519.822
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.049.673.298.463	866.614.454.955

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tại ngày	Số tại ngày
			30/09/2018	01/01/2018
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		217.635.224.642	8.673.089.371
I. Nợ ngắn hạn	310		12.660.557.975	8.673.089.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	473.303.982	90.341.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.061.768.740	8.193.973.279
4. Phải trả người lao động	314		471.738.000	118.958.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			182.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	603.747.253	37.816.200
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	3.000.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		204.974.666.667	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	204.974.666.667	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		832.038.073.821	857.941.365.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	832.038.073.821	857.941.365.584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		688.800.000.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	90.074.070.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.164.003.821	79.067.295.584
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.187.295.584	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.976.708.237	67.501.290.370
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.049.673.298.463	866.614.454.955



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2018	Quý III/2017	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.000.000.000	37.555.176.136	62.406.702.727	71.604.376.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	30.000.000.000	37.555.176.136	62.406.702.727	71.604.376.136
4. Giá vốn hàng bán	11	17	516.778.795	218.296.800	1.210.452.954	452.324.400
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.483.221.205	37.336.879.336	61.196.249.773	71.152.051.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	175.030.198	17.539.604	1.431.832.360	8.864.968.276
7. Chi phí tài chính	22	19	2.809.558.098	1.843.756.661	3.405.767.186	2.163.864.940
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.710.199.123	-	2.710.199.123	204.746.612
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.738.292.020	413.078.900	5.432.829.634	1.285.900.428
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		25.110.401.285	35.097.583.379	53.789.485.313	76.567.254.644
10. Thu nhập khác	31		-	-	-	12.413.636
11. Chi phí khác	32		-	-	-	1
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	-	12.413.635
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.110.401.285	35.097.583.379	53.789.485.313	76.579.668.279
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	5.036.530.257	7.019.516.676	10.812.777.076	15.346.733.656
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.073.871.028	28.078.066.703	42.976.708.237	61.232.934.623



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu năm 2018	9 tháng đầu năm 2017
	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.789.485.313	76.579.668.279
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	60.176.313	50.363.103
- Các khoản dự phòng	03	(12.510.000)	1.910.664.161
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.431.832.360)	(8.864.968.276)
- Chi phí lãi vay	06	2.710.199.123	48.454.167
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	55.115.518.389	69.724.181.434
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.853.761.278	38.355.772.327
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.648.053.933	4.019.231.688
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(42.502.433)	(48.242.555)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.106.451.870)	(48.454.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.077.109.658)	(5.785.230.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	48.391.269.639	106.217.258.135
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài	21	(838.998.182)	(802.350.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.997.000.000)	(517.991.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		254.600.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(188.785.840.000)	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.431.832.360	8.864.968.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.190.005.822)	(509.673.782.633)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	465.863.470.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	207.974.666.667	175.938.080.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(174.878.080.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.880.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	139.094.666.667	466.923.470.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(15.704.069.516)	63.466.945.502
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.035.249.775	2.225.444.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	17.331.180.259	65.692.390.077



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 30/09/2018, Công ty có 03 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 68,91%.
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 53,83%.
- Công ty TNHH Apax Franklin Academy với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng kỳ này được lập Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày **báo cáo tài chính riêng**.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

58
Y
UT
VG
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận giá vốn

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản trị, tư vấn tài chính và xúc tiến thương mại do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên **báo cáo tài chính riêng** và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty TNHH Apax Franklin Academy: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng chủ sở hữu;
- Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng chủ sở hữu;
- Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala - Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

4. TIỀN

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	39.410.931	682.687.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.291.769.328	32.352.562.327
Các khoản tương đương tiền (i)		
	17.331.180.259	33.035.249.775

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	4.000.000.000	9.790.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup		-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ		-
Công ty TNHH Phúc Hưng		9.790.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	
Các đối tượng khác		

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC

PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
<i>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	14.997.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten	10.100.000.000	
Các đối tượng khác	4.897.000.000	
<i>b) Phải thu về cho vay dài hạn</i>		-
<i>c) Trong đó phải thu về cho vay là các bên liên quan</i>	10.100.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten - Công ty con	10.100.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

PHẢI THU KHÁC

	Số tại ngày 30/09/2018		Số tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	277.778.000	-	468.106.278	-
Tạm ứng	-	-	217.624.500	-
Phải thu khác	277.778.000	-	250.481.778	-
- Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten	133.513.333	-	122.954.000	-
- Công ty TNHH Apax Franklin Academy	-	-	126.527.778	-
- Các đối tượng khác	144.264.667	-	1.000.000	-

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện	Tổng cộng
	vận tài truyền dẫn	
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	802.350.909	802.350.909
Tăng do mua sắm	-	-
Số dư cuối kỳ	802.350.909	802.350.909
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	73.548.829	73.548.829
Khấu hao trong kỳ	60.176.313	60.176.313
Số dư cuối kỳ	133.725.142	133.725.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	728.802.080	728.802.080
Số dư cuối kỳ	668.625.767	668.625.767

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số tại ngày	Số tại ngày
	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>	838.998.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	1.010.776.840.000	-	821.991.000.000	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (ii)	930.776.840.000	-	741.991.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten (iii)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty TNHH Apax Franklin Academy (iii)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(78.813.000)	599.100.000	(91.323.000)
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(78.813.000)	46.287.000	(91.323.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-
Cộng	1.011.375.940.000	(78.813.000)	822.590.100.000	(91.323.000)

Ghi chú:

(i) Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng:

(ii) Trong kỳ, Công ty đã đầu tư góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, tổng số vốn đầu tư tăng thêm là 188.785.840.000 VND, tương đương 18.878.584 cổ phần. Vốn tăng thêm là do Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax phát hành cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VND/cổ phần. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018 của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tổng số cổ phần chào bán dự kiến là 27.396.000 cổ phần, giá bán 10.000 VND/cổ phần, vốn dự kiến thu được sẽ sử dụng cho kế hoạch mở rộng mạng lưới trung tâm với 45 trung tâm mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	63.347.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.347.000	-
<i>b) Dài hạn</i>	72.675.255	93.519.822
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.675.255	93.519.822
	72.675.255	93.519.822

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số tại ngày 30/09/2018		Số tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	473.303.982	473.303.982	90.341.892	90.341.892
- Công ty cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	434.305.800	434.305.800		
- Công ty cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	38.998.182	38.998.182	90.341.892	90.341.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số tại ngày 01/01/2018	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số tại ngày 30/09/2018
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	730.261.042	4.036.168.399	6.240.670.273	2.934.762.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.268.501.093	13.077.109.658	10.812.777.076	5.004.168.511
Thuế thu nhập cá nhân	68.683.366	1.060.833.792	1.114.987.739	122.837.313
Các loại thuế khác	126.527.778	187.677.844	61.150.066	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-
	8.193.973.279	18.361.789.693	18.229.585.154	8.061.768.740

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	603.747.253	37.816.200
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	-	5.536.000
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	603.747.253	32.280.200
- Lãi vay phải trả Apax English	63.500.000	-
- Lãi vay phải trả Value System	540.247.253	-
- Các đối tượng khác	-	32.280.200
b) Dài hạn	-	-

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số tại ngày 30/09/2018		Trong kỳ		Số tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	20.200.000.000	17.200.000.000	-	-
- Bùi Thị Thanh Vân	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Ngô Trà My	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Trong đó vay ngắn hạn là các bên liên quan	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
- Công ty con	-	-	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	204.974.666.667	-	204.830.000.000	144.666.667	-	-
- Trái phiếu chuyển đổi	207.000.000.000	-	207.000.000.000	-	-	-
- Chi phí từ đợt phát hành	2.025.333.333	-	2.170.000.000	144.666.667	-	-

Ghi chú:

- (i) Vay cá nhân theo Hợp đồng số 26.06/2018/HĐVV/VAN-APAXHOLDINGS ngày 26/06/2018, hợp đồng vay thời hạn đến ngày 19/07/2018, lãi suất 0,014%/ngày, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (ii) Vay cá nhân theo Hợp đồng số 29.06/2018/HĐVV/MY-APAXHOLDINGS ngày 29/06/2018, Hợp đồng vay thời hạn đến ngày 19/07/2018, lãi suất 0,014%/ngày, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp;

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	313.010.600.000	-	79.067.295.584	392.077.895.584
Tăng vốn góp trong kỳ	375.789.400.000	90.074.070.000	-	465.863.470.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ nay	688.800.000.000	90.074.070.000	79.067.295.584	857.941.365.584
Tăng vốn góp trong kỳ (i)	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	42.976.708.237	42.976.708.237
Trích thanh toán cổ tức	-	-	68.880.000.000	68.880.000.000
Số dư cuối kỳ này	688.800.000.000	90.074.070.000	53.164.003.821	832.038.073.821

Ghi chú:

- (i) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018 của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 10% bằng tiền. Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong kỳ là 68.880.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	490.000.000.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	198.800.000.000	198.800.000.000
Cộng	688.800.000.000	688.800.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý III/2018	Quý III/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	688.800.000.000	688.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.880.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	<u>Số tại ngày</u> 30/09/2018	<u>Số tại ngày</u> 01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.880.000	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.880.000	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Quý III/2018</u> VND	<u>Quý III/2017</u> VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.000.000.000	37.555.176.136
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	30.000.000.000	37.555.176.136

b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan

Ghi chú:

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm bao gồm doanh thu theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tài chính và xúc tiến thương mại. Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được hoàn thành chuyển giao cho đối tác theo các nghiệm thu sản phẩm và thanh lý hợp đồng.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý III/2018</u> VND	<u>Quý III/2017</u> VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	516.778.795	218.296.800
	516.778.795	218.296.800

Ghi chú:

- (i) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tài chính và xúc tiến thương mại. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý III/2018</u> VND	<u>Quý III/2017</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.030.198	17.539.604
	175.030.198	17.539.604

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	2.710.199.123	20.662.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		1.823.094.161
Chi phí tài chính khác	99.358.975	
	2.809.558.098	1.843.756.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	816.804.669	145.531.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.564.044	
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.058.771	16.931.817
Thuế, phí và lệ phí	122.837.313	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.375.420	224.970.862
Chi phí bằng tiền khác	94.651.803	25.645.021
	<u>1.738.292.020</u>	<u>413.078.900</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	816.804.669	145.531.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.058.771	16.931.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.939.464	224.970.862
Chi phí khác bằng tiền	217.489.116	25.645.021
	<u>1.738.292.020</u>	<u>413.078.900</u>

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Quý III/2018</u>	<u>Quý III/2017</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.036.530.257	7.019.516.676
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.036.530.257</u>	<u>7.019.516.676</u>

Công ty đã xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 72.250.000 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	207.974.666.667	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.331.180.259)	(33.035.249.775)
Nợ thuần	190.643.486.408	-
Vốn chủ sở hữu	832.038.073.821	857.941.365.584
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	22,9%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số tại ngày 30/09/2018	Số tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.331.180.259	33.035.249.775
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.274.778.000	10.040.481.778
Đầu tư tài chính dài hạn	520.287.000	507.777.000
Tổng cộng	37.126.245.259	43.583.508.553
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	207.974.666.667	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.051.235	128.158.092
Chi phí phải trả	-	182.000.000
Công nợ tài chính khác	-	-
Tổng cộng	209.051.717.902	310.158.092

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày **báo cáo tài chính riêng** và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.331.180.259	-	17.331.180.259
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.274.778.000	-	19.274.778.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	520.287.000	520.287.000
Tổng cộng	36.605.958.259	520.287.000	37.126.245.259
Số cuối kỳ			
Các khoản nợ thuê tài chính	-	-	-
Các khoản vay	3.000.000.000	204.974.666.667	207.974.666.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.051.235	-	1.077.051.235
Tổng cộng	4.077.051.235	204.974.666.667	209.051.717.902
Chênh lệch thanh khoản thuần	32.528.907.024	(204.454.379.667)	(171.925.472.643)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.035.249.775	-	33.035.249.775
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.040.481.778	-	10.040.481.778
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	507.777.000	507.777.000
Tổng cộng	43.075.731.553	507.777.000	43.583.508.553
Số đầu kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	128.158.092	-	128.158.092
Chi phí phải trả	182.000.000	-	182.000.000
Tổng cộng	310.158.092	-	310.158.092
Chênh lệch thanh khoản thuần	42.765.573.461	507.777.000	43.273.350.461

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 30/09/2018 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

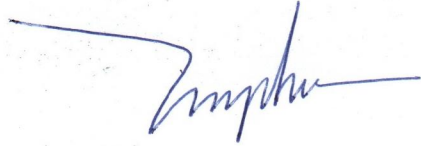
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017 đã được.




Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018


Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hải
Người lập

